Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng
1333/9 Huỳnh Tấn Phát, P.Phú Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Quý III năm 2010

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 51710
Giờ:........Ngày 1 tháng 11 năm 2010

(Đơn vị tính: đồng Việt Nam)

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	19,952,120,789	585,387,652,296	57,104,892,405	642,924,260,057
2. Các khoản giảm trừ	02		3,914,103,000	633,600,000	3,914,103,000	633,600,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		16,038,017,789	584,754,052,296	53,190,789,405	642,290,660,057
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	14,717,137,272	520,251,456,277	39,950,485,915	556,011,126,359
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,320,880,517	64,502,596,019	13,240,303,490	86,279,533,698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4,851,759,556	4,776,189,158	24,218,855,171	7,640,725,655
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	2,926,804,657	1,514,492,333	15,361,995,906	2,341,004,985
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		2,923,412,657	1,506,458,333	15,332,437,906	2,311,458,333
8. Chi phí bán hàng	24		490,364,274	1,100,615,035	855,515,673	2,628,458,932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,704,298,975	6,979,414,712	17,530,261,268	19,902,387,491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		(2,948,827,833)	59,684,263,097	3,711,385,814	69,048,407,945
11. Thu nhập khác	31		438,743,772	18,578,013,497	26,331,182,348	20,296,095,542
12. Chi phí khác	32		318,349,968	2,939,685,200	4,425,844,513	3,243,523,576
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		120,393,804	15,638,328,297	21,905,337,835	17,052,571,966
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2,828,434,029)	75,322,591,394	25,616,723,649	86,100,979,911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.28	540,207,044	18,942,640,453	7,830,825,898	43,877,516,455
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.29	(540,207,044)	(161,841,459)	(978,280,556)	(21,722,824,905)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2,828,434,029)	56,541,792,400	18,764,178,307	63,946,288,361
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(104)	2,850	785	3,224

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Lê Thị Kim Luyến	Lê Thị Hồng Phượng	Trương Thành Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG – QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH